

Bản án số: **30/2023/DS-ST**
Ngày: 19-7-2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
góp hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đức

2. Ông Phan Quang Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-DS ngày 26/5/2023 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TTĐ, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt B**, sinh năm 1954, cư trú: số 1017, khu phố VP2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, Luật sư - Văn phòng Luật sư Nguyễn Việt B (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị Ngọc E**, sinh năm 1975 (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1970 (vắng mặt nhưng có đơn)

Địa chỉ: ấp CĐ3, xã VP, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Giữa nguyên đơn bà **Huỳnh Thị D** với bị đơn bà **Đặng Thị Ngọc E** thống nhất xác định: Bà D có tham gia góp hội do bà Đặng Thị Ngọc E làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng, áp ngày 22/9/2021 âm lịch, hội 48 phần, mỗi tháng mở hai lần vào ngày 22 và ngày 07 hàng tháng, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng), bà D tham gia 01 phần và có góp hội sống được 27 lần đến lần 28 bỏ hội 1.110.000 đồng nên lĩnh được số tiền 70.800.000 đồng (đã trừ cò).

- Dây hội 2.000.000 đồng, áp ngày 22/9/2021 âm lịch, hội 48 phần, mỗi tháng mở hai lần vào ngày 22 và ngày 07 hàng tháng, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng), bà D tham gia 01 phần và có góp hội sống được 27 lần đến lần 28 bỏ hội 1.110.000 đồng nên lĩnh được số tiền 70.800.000 đồng (đã trừ cò).

- Dây hội 2.000.000 đồng, áp ngày 30/3/2020 âm lịch, hội 57 phần, mỗi tháng mở một lần vào ngày 30 hàng tháng, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng), bà D tham gia 03 phần và có góp hội sống mỗi phần được 34 lần đến lần 35 bỏ hội 2.020.000 đồng nên lĩnh được số tiền 67.000.000 đồng (đã trừ cò) trừ 380.000 đồng tiền hội bỏ thừa nên còn 66.620.000 đồng.

Tại thời điểm này bà Ngọc E tuyên bố úp hội nên hai phần hội còn lại bà Ngọc E nợ D số tiền $(34 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng}) \times 02 \text{ phần} = 136.000.000 \text{ đồng}$, trừ cò 2.000.000 đồng, còn lại 134.000.000 đồng.

Ngoài ra giữa bà D và bà Ngọc E có thỏa thuận, bà D mua lại 01 phần hội trong dây áp ngày 22/9/2021 âm lịch, bà D đã góp được 07 lần, tính ra hội có lãi thì bà Ngọc E còn nợ bà D 14.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà Ngọc E nợ bà D là 356.220.000 đồng, nhưng bà Ngọc E đã trả được 02 lần bằng 144.000.000 đồng và tiền hội chết bà D phải góp cho bà Ngọc E là 118.000.000 đồng nên bà Ngọc E chỉ còn nợ lại bà D 94.220.000 đồng.

Bà D xác định, bà Ngọc E làm chủ hội và có chồng tên Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, nhưng việc tham gia giao dịch hội chỉ có bà với bà Ngọc E. Vì vậy, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho bà số tiền hội còn nợ là 94.220.000 đồng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả nợ cùng.

Bà Ngọc E xác định, việc bà làm chủ hội thì chồng bà là ông Nguyễn Văn

B, sinh năm 1970 có biết, đồng thời số tiền nhận được từ việc làm chủ hội bà không sử dụng chung trong gia đình. Mọi chi tiêu trong gia đình là do bà trực tiếp chi.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D bà thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho Huỳnh Thị D số tiền hội còn nợ là 94.220.000 đồng và xin trả dần trong hạn 18 tháng, cụ thể 06 tháng đầu trả 30.000.000 đồng, 06 tháng kế tiếp trả 30.000.000 đồng, 06 tháng cuối trả số tiền còn lại.

** Tại bản tự khai ngày 29/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn B** có ý kiến:* Sự việc của bà Huỳnh Thị D và bà Đặng Thị Ngọc E thì ông không biết đến và không có can thiệp.

**** Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị D số tiền hội còn thiếu là 94.220.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D khi gửi đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho bà số tiền hội còn thiếu đến nay chưa trả. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xác định được bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E có chồng là ông Nguyễn Văn B và hiện hai người vẫn còn đang sống chung. Vì vậy, Tòa án đã đưa ông Nguyễn Văn B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời nguyên đơn bà Huỳnh Thị D, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu chỉ buộc bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu và bị đơn cũng thừa nhận. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi* và bà Ngọc E có nơi cư trú tại ấp Cạnh Đèn 3, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị D với bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau và hiện bị đơn bà Ngọc E còn nợ nguyên đơn bà D số tiền hụi còn thiếu là 94.220.000 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn bà D xác định chỉ khởi kiện bà Đặng Thị Ngọc E phải trả nợ cho bà, bởi tất cả các giao dịch được thực hiện chỉ có bà với bà Ngọc E, không liên quan gì ông Nguyễn Văn B. Bị đơn bà Ngọc E cũng thống nhất, số tiền tham gia giao dịch hụi thì bà không mang về nhà sử dụng chung trong gia đình, không liên quan gì đối với ông B và ông B cũng đã có ý kiến không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà Ngọc E trong vụ án này. Vì vậy, trong vụ việc này chỉ bà Ngọc E là người chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D buộc bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho nguyên đơn bà D số tiền hụi còn thiếu là 94.220.000 đồng. Vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường. Do đó

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải chịu án phí có giá ngạch là **4.711.000 đồng** (94.220.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 241 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị D **94.220.000đ** (Chín mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền hộ còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Thị D, nếu bà Đặng Thị Ngọc E không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà D thì hàng tháng bà Ngọc E còn phải trả tiền lãi cho bà D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc E phải **4.711.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị D 2.405.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp theo biên lai số 0002856 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã VP;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh